

## Phụ lục I

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

#### A. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TRUNG ƯƠNG

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<b>I. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>				
<b>Mục 1. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu</b>				
1	Thành lập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Nghị định số 172/2013/NĐ-CP)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
2	Thành lập công ty TNHH một thành viên do viên do Bộ trưởng quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	
3	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
4	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Bộ trưởng quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	
5	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

6	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Bộ trưởng quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	
7	Giải thể công ty TNHH một thành viên	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	
8	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Người quyết định thành lập công ty TNHH quyết định tạm ngừng kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục.
<b>II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI</b>				
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (Luật Đầu tư). - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (Nghị định số 83/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài (Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư
2	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	Quốc hội thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư ra nước

				ngoài
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
7	Chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
<b>III. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>				
<b>Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư</b>				
1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 (Luật Đấu thầu); - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (Nghị định số 30/2015/NĐ-CP); - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng (Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC).	Bên mời thầu	

2	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	
3	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	
4	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Nhà đầu tư, Bên mời thầu	
5	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	
6	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Nhà đầu tư	
7	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định	
9	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	
11	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	
12	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn	- Luật Đấu thầu;	Cơ quan, đơn vị thẩm định,	

	nhà đầu tư	- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Người có thẩm quyền	
14	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Người có thẩm quyền	
15	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, Người có thẩm quyền	
<b>Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>				
1	Thẩm định và phê duyệt đề xuất các dự án nhóm A, B, C do Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh lập	- Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 (Luật Đầu tư công); - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Nghị định số 15/2015/NĐ-CP).	Đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	
2	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	- Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư công; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền	
3	Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	- Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư công; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Bộ, ngành, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
4	Công bố dự án	- Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư công; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Đơn vị chuyên môn làm đầu mối quản lý hoạt động đầu tư PPP	

5	Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu;</li> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Luật Đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.</li> </ul>	Bộ, ngành, cấp có thẩm quyền phê duyệt	
6	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu;</li> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Luật Đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.</li> </ul>	Đơn vị thẩm định, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	
7	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu;</li> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Luật Đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.</li> </ul>	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	
8	Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu;</li> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Luật Đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.</li> </ul>	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	
9	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu;</li> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Luật Đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.</li> </ul>	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu;</li> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Luật Đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.</li> </ul>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
11	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu;</li> <li>- Luật Đầu tư công;</li> </ul>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

		- Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.		
12	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư công; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
<b>Mục 3. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>				
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP).	Bên mời thầu, Chủ đầu tư	
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Nhà thầu	
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Nhà thầu	
4	Công nhận cơ sở đào tạo về đấu thầu	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
5	Công nhận giảng viên về đấu thầu	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
6	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bộ Kế hoạch và đầu tư	
7	Công nhận tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
8	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn	- Luật Đấu thầu;	Tổ chức thẩm định, người	

	nhà thầu	- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.	có thẩm quyền	
9	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	
11	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	
12	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	
14	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	



		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>		
15	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	
16	Phê duyệt danh sách ngắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Chủ đầu tư	
17	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.</li> </ul>	Bên mời thầu	
18	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Bên mời thầu	
19	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> </ul>	Bên mời thầu	

		- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.		
20	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	
21	Làm rõ hồ sơ dự thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Nhà thầu	
22	Mở thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	
23	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu	
24	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Người có thẩm quyền	
25	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Người có thẩm quyền,	

			Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	
<b>IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI</b>				
<b>Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài</b>				
1	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Nghị định số 93/2009/NĐ-CP). - Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ (Thông tư số 07/2010/TT-BKH).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	
2	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	
3	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	
4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	
<b>Mục 2. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ</b>				
1	Phê duyệt Danh mục tài trợ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu	- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

		đãi của các nhà tài trợ (Nghị định số 38/2013/NĐ-CP). - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ (Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT).	chuẩn bị các thủ tục	
2	Phê duyệt Danh mục tài trợ các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị các thủ tục	
3	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	
4	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	
5	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện; - Cơ quan chủ quản chuẩn bị các thủ tục	
6	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện; - Cơ quan chủ quản chuẩn bị các thủ tục	
7	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện; - Cơ quan chủ quản chuẩn bị các thủ tục	

8	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	
9	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	
10	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	
11	Xác nhận chuyên gia	- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg); - Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 (Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC).	Cơ quan chủ quản	

## B. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

ST T	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	TTHC do Trung ương ban hành	GHI CHÚ
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>					
<b>Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</b>					
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (Luật Doanh nghiệp); - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
2	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
3	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
4	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý	- Luật Doanh nghiệp;	Phòng Đăng ký	x	Công ty TNHH

	doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư		gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
5	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
6	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
7	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
9	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
10	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	

11	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
12	Bán doanh nghiệp tư nhân	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
13	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
14	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
15	Hợp nhất doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
16	Sáp nhập doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
17	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành



					viên trở lên
18	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
19	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
20	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Công ty TNHH gồm: Công ty TNHH một thành viên và Công ty TNHH hai thành viên trở lên
21	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
22	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
23	Giải thể doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
24	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
25	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế	x	

		- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	hoạch và Đầu tư		
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
27	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
<b>Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu</b>					
1	Thành lập công ty TNHH một thành viên do viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	UBND cấp tỉnh	x	
2	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	UBND cấp tỉnh	x	
3	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	UBND cấp tỉnh	x	
4	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh	x	
5	Giải thể công ty TNHH một thành viên	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	UBND cấp tỉnh	x	
<b>II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b>					
1	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 (Luật Hợp tác xã); - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã (Nghị định số 193/2013/NĐ-CP); - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	

		26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT).			
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	

9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
16	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế	x	

	liên hiệp hợp tác xã	- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	hoạch và Đầu tư		
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
19	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
<b>III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM</b>					
<b>Mục 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>					
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định số 118/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam (Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư

4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	UBND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	- Luật Đầu tư;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	

		- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Đầu tư		
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
17	Giãn tiến độ đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành	- Luật Đầu tư;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	

	của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Đầu tư		
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh	x	
<b>Mục 2. Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế</b> <b>(Sau đây gọi tắt là Ban Quản lý)</b>					
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư



4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	UBND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	- Luật Đầu tư;	Ban Quản lý	x	

		- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.			
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP	Ban Quản lý	x	
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
17	Giãn tiến độ đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT	Ban Quản lý	x	
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý; Phòng Đăng ký kinh doanh	x	
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành	- Luật Đầu tư;	Ban Quản lý	x	

	của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.			
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	Ban Quản lý	x	
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP;	Ban Quản lý	x	
25	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
26	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Ban Quản lý	x	
<b>Mục 3. Cơ quan khác</b>					
1	Áp dụng ưu đãi đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	Cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng ưu đãi về đất đai và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật cấp tỉnh.	x	
2	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, tài nguyên và môi trường và	x	

			các cơ quan quản lý nhà nước khác		
3	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
4	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư		
5	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	- Luật đầu tư; - Nghị định 118/20015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan khác có thẩm quyền đăng ký thành lập tổ chức kinh tế		

#### IV. ĐẤU THẦU

##### Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư

1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
2	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
3	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
4	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời	- Luật Đấu thầu;	Nhà đầu tư,	x	

	thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu		
5	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
6	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Nhà đầu tư	x	
7	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định	x	
9	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
11	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
12	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định,	x	

			Người có thẩm quyền		
14	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Người có thẩm quyền	x	
15	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, Người có thẩm quyền	x	
16	Phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn Nhà đầu tư	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	x	
<b>Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>					
1	Thẩm định và phê duyệt đề xuất các dự án nhóm A, B, C do Bộ, ngành UBND cấp tỉnh lập	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
2	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	UBND cấp tỉnh, Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền	x	
3	Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	UBND cấp tỉnh, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	x	
4	Công bố dự án	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	

		- Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Đơn vị chuyên môn làm đầu mối quản lý hoạt động đầu tư PPP		
5	Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	UBND cấp tỉnh, Cấp có thẩm quyền phê duyệt	x	
6	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Đơn vị thẩm định, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	x	
7	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	x	
8	Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	x	
9	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	UBND cấp tỉnh, Đơn vị được giao làm đầu mối quản lý về hoạt động PPP,	x	
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu;	UBND cấp tỉnh	x	

		- Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.			
11	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	UBND cấp tỉnh	x	
12	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	UBND cấp tỉnh	x	
<b>Mục 3. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>					
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu	x	
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Nhà thầu	x	
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Nhà thầu	x	
4	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
5	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
6	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ	- Luật đấu thầu;	Tổ chức thẩm	x	



	tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT.	định, Chủ đầu tư		
7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
10	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
12	Phê duyệt danh sách ngắn	- Luật đấu thầu;	Chủ đầu tư	x	

		- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.			
13	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.	Bên mời thầu	x	
14	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
15	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	Nhà thầu	x	

18	Mở thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Bên mời thầu	x	
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</li> </ul>	Bên mời thầu	x	
20	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</li> </ul>	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Người có thẩm quyền	x	
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</li> </ul>	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	x	

**V. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

**Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài**

1	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 07/2010/TT-BKH.</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ	x	
---	--	--	---	---	--

			PCPNN		
2	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	x	
3	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	x	
4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	x	
<b>Mục 2. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ</b>					
1	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	x	
2	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	x	
3	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP;	- Thủ tướng Chính	x	

	trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	phủ phê duyệt văn kiện - Cơ quan chủ quản chuẩn bị các thủ tục		
4	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện - Cơ quan chủ quản chuẩn bị các thủ tục	x	
5	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện - Cơ quan chủ quản chuẩn bị các thủ tục	x	
6	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	x	
7	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	x	
8	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT.	Cơ quan chủ quản	x	
9	Xác nhận chuyên gia	- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg;	Cơ quan chủ quản	x	

		- Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC.			
<b>VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN</b>					
1	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP) Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.	UBND tỉnh	x	
2	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	- Nghị định số 210/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	Sở Khoa học và Công nghệ đối với đề tài, hạng mục, dự án về khoa học công nghệ
3	Nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	- Nghị định số 210/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	Sở Khoa học và Công nghệ đối với đề tài, hạng mục, dự án về khoa học công nghệ

**C. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN**

<b>STT</b>	<b>TÊN TTHC</b>	<b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b>	<b>CƠ QUAN THỰC HIỆN</b>	<b>TTHC do Trung ương ban hành</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH</b>					
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
<b>II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ</b>					
1	Đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	

	phòng đại diện của hợp tác xã				
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp	- Luật Hợp tác xã;	Phòng Tài chính - Kế	x	



	tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	hoạch - UBND huyện		
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện	x	

### III. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

#### Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư

1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
2	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
3	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
4	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Nhà đầu tư, Bên mời thầu	x	
5	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
6	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Nhà đầu tư	x	
7	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu;	Bên mời thầu	x	

		- Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.			
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định	x	
9	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
11	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
12	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Cơ quan, đơn vị thẩm định, Người có thẩm quyền	x	

14	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Người có thẩm quyền	x	
15	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, Người có thẩm quyền	x	
<b>Mục 2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>					
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu	x	
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Nhà thầu	x	
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Nhà thầu	x	
4	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
5	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
6	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	

7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
10	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
12	Phê duyệt danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;	Chủ đầu tư	x	

		- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.			
13	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.	Bên mời thầu	x	
14	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
15	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;	Nhà thầu	x	

		- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.			
18	Mở thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
20	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Người có thẩm quyền	x	
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	x	

**D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ**

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	TTHC do Trung ương ban hành	GHI CHÚ
<b>I. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU</b>					
<b>Mục 1. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>					
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu	x	
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Nhà thầu	x	
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Nhà thầu	x	
4	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
5	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
6	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	



7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
10	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.</li> </ul>	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
12	Phê duyệt danh sách ngắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;</li> </ul>	Chủ đầu tư	x	

		- Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.			
13	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.	Bên mời thầu	x	
14	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
15	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;	Nhà thầu	x	

		- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.			
18	Mở thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
20	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Người có thẩm quyền	x	
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	x	

## E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP KHÁC

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	TTHC do Trung ương ban hành	GHI CHÚ
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>					
<b>Mục 1. Công ty TNHH một thành viên Nhà nước làm chủ sở hữu</b>					
1	Thành lập công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	x	
2	Thành lập công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	x	
3	Chia, tách công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	x	
4	Chia, tách công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	x	
5	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	x	
6	Giải thể công ty TNHH một thành viên	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP	Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	x	

<b>II. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>					
<b>Mục 1. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>					
1	Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án nhóm A, B, C	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	Thủ tướng Chính phủ	x	
<b>Mục 2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>					
1	Đăng ký cơ sở đào tạo về đấu thầu	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Cơ sở đào tạo	x	
2	Đăng ký giảng viên về đấu thầu	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Giảng viên	x	
3	Đăng ký tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Tổ chức là đại lý đấu thầu, tư vấn đấu thầu	x	
4	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Nhà thầu	x	
5	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Nhà thầu	x	
6	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Người có thẩm quyền	x	
7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
8	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ	- Luật đấu thầu;	Tổ chức thẩm định, Chủ	x	

	tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT.	đầu tư		
9	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
10	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
12	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	Tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư	x	

14	Phê duyệt danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Chủ đầu tư	x	
15	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.	Bên mời thầu	x	
16	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
17	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
18	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
19	Làm rõ hồ sơ dự thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;	Nhà thầu	x	

		- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.			
20	Mở thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	Bên mời thầu	x	
21	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu	x	
22	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền	x	
23	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	Bên mời thầu, Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền	x	
<b>III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI</b>					
<b>1. Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài</b>					
1	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Chủ đầu tư, Bên mời thầu, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị	x	
2	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	x	
3	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP;	Đơn vị đầu mối khác	x	



	viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN		
4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	Đơn vị đầu mối khác trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN	x	